

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Bền

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997

Nơi ĐKKHKT: thôn Tây A, xã Đông K (nay là xã Chí M), huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: thôn 7, xã Tân H, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương.

-Bị đơn: Anh Đặng Tuấn A, sinh năm 1996

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Tây A, xã Đông K (nay là xã Chí M), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1963

Địa chỉ: thôn 7, xã Tân H, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Kỳ (nay là xã Chí Minh), huyện Tứ Kỳ vào ngày 13/5/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng mẹ đẻ anh Tuấn A tại thôn Tây A, xã Đông K (nay là xã Chí M), huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh Tuấn A không tu chí làm ăn, không quan tâm đến chị và có những mối quan hệ không lành mạnh. Anh chị đã nhiều lần nói

chuyện nhưng không có kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, khoảng giữa năm 2019 chị và anh Tuấn A sống ly thân, tuy sống chung nhà nhưng anh chị không ngủ chung, thi thoảng có ăn chung, việc ai người ấy làm, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 11/2021 anh Tuấn A đuổi chị ra khỏi nhà nên chị về chung sống với bố mẹ đẻ tại thôn 7, xã Tân H, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương. Thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ sống, anh Tuấn A không hỏi thăm cũng như không đến gặp chị để nói chuyện, anh chị không liên lạc với nhau. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tuấn A không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị đề nghị TAND huyện Tứ Kỳ giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A.

+ Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là Đặng Thị Diễm M sinh ngày 07/10/2017, khi chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại Ninh Giang thì con chung sống cùng anh Tuấn A, gần đây chị đã đón con về sống cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Tuấn A không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Đặng Tuấn A trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: anh xác định anh và chị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị H có mối quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác, vì còn tình cảm với chị H nên anh đã nói chuyện và tha thứ cho chị H, tuy nhiên sau đó chị H không có sự thay đổi nên cuối năm 2021 anh đuổi chị H ra khỏi nhà. Từ đó anh chị không liên lạc cũng như không quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H và anh thì anh đồng ý ly hôn chị H.

+ Về con chung: Anh Nam xác định lời trình bày của chị H về số lượng con chung, tên tuổi, ngày tháng năm sinh của con chung là đúng. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh với lãnh đạo UBND xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ, trưởng thôn Tây An, Chủ tịch Hội phụ nữ, cán bộ Lao động thương binh xã hội của xã thể hiện:* Chị H và anh Tuấn A có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/5/2016. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được, nhưng có nghe thông tin do anh Tuấn A nghi ngờ chị H có mối quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác nên vợ chồng mâu thuẫn, anh Tuấn A trong lúc tức giận đã đuổi chị H ra khỏi nhà. Về con chung, chị H và anh Tuấn A có 01 con chung là Đặng Thị Diễm M sinh ngày 07/10/2017, theo địa phương nắm được anh Tuấn A làm công việc tự do, chị H không còn sinh sống tại địa phương nên thu nhập của anh chị thế nào địa phương

không biết. Trường hợp Tòa án giải quyết về ly hôn và con chung giữa chị H và anh Tuấn A thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Biên bản xác minh với lãnh đạo UBND xã Tân Hương cùng cán bộ Lao động thương binh xã hội xã thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và con là cháu Đặng Thị Diễm My hiện đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị H là ông Nguyễn Văn Đại và bà Phạm Thị K tại thôn 7, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang. Chị H hiện làm công nhân của một công ty trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, thời gian chị H đi làm có ông Đại, bà Khích hỗ trợ chị trong việc trông nom, chăm sóc con cái, nhà cửa khang trang rộng rãi, gia đình kinh tế cơ bản nên địa phương xác định chị H đủ điều kiện nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị H và anh Tuấn A thì địa phương đề nghị giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Anh Tuấn A vắng mặt không có lý do

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 55, 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Tuấn A; Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Thị Diễm M sinh ngày 07/10/2017 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đặng Tuấn A phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Anh Tuấn A có quyền thăm nom con chung, chị H không được phép ngăn cản. Về tài sản chung, vay nợ chung: không xem xét, giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị và anh Đặng Tuấn A, tại thời điểm thụ lý vụ án anh Tuấn A sinh sống tại thôn Tây A, xã Đông K (nay là xã Chí M), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Tuấn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt còn anh Tuấn A vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh Tuấn A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Kỳ

(nay là xã Chí Minh), huyện Tứ Kỳ ngày 13/5/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, không tin tưởng vào sự chung thủy của nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Tuấn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Tuấn A là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị H, anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Đặng Thị Diễm M sinh ngày 07/10/2017. Chị H và anh Tuấn A đều có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị H và anh Tuấn A là chính đáng, cả chị H và anh Tuấn A đều đang lao động có thu nhập, chỗ ở để nuôi con và có bố mẹ hỗ trợ trong việc trông nom, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, cháu Diễm My hiện còn nhỏ (chưa đủ 5 tuổi) lại là con gái nên nhận thấy giao cháu Diễm My cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo việc phát triển tốt nhất cho cháu My. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Đặng Thị Diễm My cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh Tuấn A đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đặng Tuấn A

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Thị Diễm M sinh ngày 07/10/2017 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004438 ngày 13/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chi H đã nộp đủ

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Tuấn A biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành